

HỘI QUÁN/PHẬT GIÁO HÒA HẢO
PANAT/HOLDING CAMP.

DANH SÁCH - CỤ TỪ NHÂN CHÍNH TRỊ

STT/ HỌ TÊN	HỌ VÀ TÊN	SINH NĂM	NGU TẠI	CĐ QUÂN	CẤP BẬC	CHỨC VỤ	ĐƠN VỊ SẴN CÙNG	THỜI GIAN CẢI TẠO						NGÀY ĐẾN THAI LAND	NGÀY NHẬP TRẠI	HCV
	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	Thời gian Cải tạo	TLP	Đến	LƯU DO	GIẤY RA TẠO	NGÀY & NƠI CẤP GIẤY RA TẠO	(15)	(16)	(17)
01.	NGUYỄN THÀNH NHĨA	1942	Tây Ninh - Tây Ninh	62/112651	Thiếu tá	Chỉ huy trưởng	Chỉ huy Địch Thành-Bà Rịa	75 tháng 8 ngày	20.06.75	28.09.81	Cựu quân nhân	743/GRT	Thành Hóa 28.09.81	08.12.89	29.12.89	2B
02.	NGUYỄN HỮU HIẾU	1939	Bình Minh - Củ Long	59/510091	Đại úy	Chỉ huy trưởng	Thiết đoàn 19 Kỵ Bính	48 tháng	15.04.75	06.80	-nt-		Minh Hải	06.05.89	08.09.89	2E
03.	TRẦN NGỌC TIẾNG	1949	Châu Phú - An Giang	69/510741	Trung úy	Trung đội trưởng	Trại Khu Kiến Tường	80 tháng 4 ngày	10.05.75	21.01.82	-nt-	40/GRT	Xuân Lộc 21.01.82	22.10.89	22.11.89	2F
04.	PHAN THANH BĂNG	1951	Phước Tân - An Giang	71/134705	Thiếu úy	Phụ trách kho	PCK Vĩnh Xương - Châu Đốc	36 tháng	05.05.75	30.04.78	-nt-	82/88/BNN	Q. Khung 30.04.78	20.11.89	04.12.89	2F
05.	NGUYỄN THU BA	1939	Châu Thành - An Giang	Điền cơ 121225	Thượng sĩ I		Bộ Chỉ huy Cảnh Sát - Sài Gòn	36 tháng	18.08.75	23.08.78	-nt-	136/CA	Q. Khung 23.08.78	23.10.89	21.11.89	2F
06.	VÕ THAI LỘC	1943	Chợ Mới - An Giang	63/171309	Trung úy (Bếp phó)	Phó ty	Ty Thanh niên - Rạch Giá	20 tháng 12 ngày	30.04.75	12.01.77	-nt-	09/BDUB	Kiên Giang 12.01.77	09.12.89	01.02.90	2L
07.	NGUYỄN VĂN TRÍ	1954	Sài Gòn	94/143787	Sinh viên Sĩ quan		Trường Hạ Sĩ quan - Đồng Đế	113 tháng 07 ngày	08.04.76	12.09.85	-nt-	156/GRT	Thị Đức 12.09.85	30.12.89	01.02.90	2L
08.	NGUYỄN THANH HẢI	1950	Cần Thơ - Hậu Giang	70/700226	Thiếu úy	Trợ ban phòng giao	Ty 4 An Ninh, Hải quân	22 tháng	25.06.75	77	-nt-	827/XC	Cần Thơ 29.04.78	06.07.89	07.09.89	2C
09.	HỒ QUANG THUẬN	1963	Sóc Trăng - Hậu Giang					14 tháng	10.11.81	17.12.82	Phản cách mạng	121/LT	Hậu Giang 17.12.82	19.04.89	05.09.89	2D
10.	HUỲNH THỊ NGỌC MAI	1952	Bình Minh - Củ Long					12 tháng	23.10.82	18.10.83	Khô chiến phục quốc	116/LTT	Bình Minh 04.10.83	30.12.89	05.02.90	2L
11.	LŨ XƯƠNG	1952	Trà Cú - Củ Long	72/703728	Trung sĩ	Trợ ban Văn Thư	Giảng đoàn 22 Xung phong Nhà Bè	20 tháng	16.11.76	21.07.78	Bạo loạn	07/GRT	Củ Long 21.07.78	26.04.89	29.05.89	2C
12.	ĐÀNG VĂN MINH	1953	Long Xuyên - An Giang			Trợ lý Giám đốc	Ngân hàng Đông Phương - Sài Gòn	03 ngày	12.09.75	15.09.75	Công chức	19377/CN	Sài Gòn 15.09.75	16.02.90	13.03.90	2A
13.	LÊ QUANG PHÚC	1944	Bà Rịa - Minh Hải	64/101388	Trung úy	Trung đội trưởng	Đại đội 683 Biệt lập T. Khẩu Gian Định	31 tháng	26.05.75	01.02.78	Cựu quân nhân	248/BD	Bà Rịa 01.02.78	30.11.89	18.12.89	2F
14.	TIỀN KIM BÉ	1953	Sóc Trăng - Hậu Giang		Thứ ký	Đánh máy	Đại đội 813 Cảnh sát Q. cũ	06 tháng	01.06.75	01.12.75	Cựu quân nhân			06.07.89	07.09.89	2C
15.	HUỲNH VĂN GIÁC	1944	Long Xuyên - An Giang					12 tháng	01.06.75	01.06.76	Phản cách mạng			06.07.89	07.09.89	2C
16.	NGUYỄN VĂN RAO	1944	Phước Châu - An Giang			Thứ ký	Ban Tr. Sự PGTH xã Vĩnh Lộc An Phú	03 tháng	20.05.75	20.08.75	Phản cách mạng			20.11.89	04.12.89	2F
17.	HUỲNH VĂN BẢO	1944	Bình Minh - Củ Long	64/502690	Hạ Sĩ I	Thủ kho TPPT	Thiết đoàn 32 BDP	01 tháng			Cựu quân nhân			30.11.89	05.02.90	2L

PC. PO. BOX 18
PANAT NIKHOM CHONBURY 20140
THAILAND.

CÁC VỤ	ĐƠN VỊ SÀI GÒN	THỜI GIẠN CẢI TẠO						NGƯỜI ĐÓN THAI LAND	NGƯỜI NHẬP TRẠI	HOUSE	BT - PST	NGƯỜI CÙNG ĐI (Nếu có)	SINH NĂM	LIÊN HỆ GIA ĐÌNH	GHI CHÚ
		Thời gian cải tạo	TLP	Đến	Về	Đến	Về								
(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	
Chuẩn bị	Chi khu Đồn Thủ Đức	75 tháng 8 ngày	20.06.75	28.09.81	Cải quân nhân	743/GRT	Thái Hòa 28.09.81	08.12.89	29.12.89	2B8	PST 02271				Đã được Tổng hội Cựu tù nhân chính trị Công Sản VN cấp CERTIFICATION ngày Feb/12/1990 do Sincerely NGUYEN HAU (Ký)
Chuẩn bị	Thị trấn Thủ Đức	48 tháng	15.04.75	06.80	nt		Minh Hải	06.05.89	08.09.89	2E1	BT 50126				
Chuẩn bị	Thị trấn Thủ Đức	80 tháng 4 ngày	10.05.75	21.01.82	nt	40/GRT	Xuân Việt 21.01.82	22.10.89	22.11.89	2F22	BT 50549				
Chuẩn bị	P.CK Vĩnh Xương - Châu Đốc	36 tháng	05.05.75	30.04.78	nt	82/BB/BNN	Q. Khung 30.04.78	20.11.89	04.12.89	2F10	BT 50712	Bùi Thị Tròn Phan Thị Huệ Hạnh Phan Thị Vĩnh Trung Phan Thị Kim Ngọc Phạm Đức Thành	1954 1976 1978 1984 1988	vợ con con con con	
	Bộ Chỉ huy Cảnh Sát - Sài Gòn	36 tháng	18.08.75	23.08.78	nt	196/20	Q. Khung 23.08.78	23.10.89	21.11.89	2F18	BT 50554	Lê Kim Anh Nguyễn Ngọc Quý Nguyễn Thái Sơn	1936 1968 1985	vợ con con	
Chuẩn bị	Thị trấn Thủ Đức	20 tháng 12 ngày	30.04.75	12.01.77	nt	09/ADUB	Kiến Giang 12.01.77	03.12.89	01.02.90	2L15	PST 03042	Võ Thái Bình	1969	con	
	Thị trấn Thủ Đức	113 tháng 07 ngày	08.04.76	12.09.85	nt	156/GRT	Thái Đức 12.09.85	30.12.89	01.02.90	2L16	BT 03126	Nguyễn Văn Tâm	1966	Em ruột	Tham gia Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam ngày 15/10/75 đến ngày 06/04/76
Chuẩn bị	Ty 4 An Ninh, Hải quân	22 tháng	25.06.75	77	nt	827/XC	Cần Thơ 29.04.78	06.07.89	07.09.89	2C19	BT 050100	Nguyễn Thị Ngọc Thu Nguyễn Thị Giang Thanh Nguyễn Thanh Bình	1951 1986 1988	vợ con con	
		14 tháng	10.11.81	17.12.82	Phản cách mạng	121/LT	Hàng Giang 17.12.82	19.04.89	05.09.89	2D4	BT 3724				Tham gia từ tháng 3/81 đến 10/11/81 bị bắt
		12 tháng	23.10.82	18.10.83	Khởi loạn phục quốc	116/LTT	Bình Minh 04.10.83	30.12.89	05.02.90	2L4	PST 03174				Tham gia khởi loạn phục quốc từ ngày 16/5/82 đến 23.10.82
Chuẩn bị	Giảng đoàn 22 Xung phong Nhà Bè	20 tháng	16.11.76	21.07.78	Bạo loạn	07/GRT	Cần Thơ 21.07.78	26.04.89	29.05.89	2C35	BT 3580	Lữ Thái	1966	Em ruột	Tham gia vụ án Cao Đài - Xóm mìn đất đỏ chính quyền từ tháng 01/83 đến tháng 02/83 bị bắt tháng 6 năm 1983
Chuẩn bị	Ngân hàng Đông Phương - Sài Gòn	03 ngày	12.09.75	15.09.75	Công chức	19377/CN	Sài Gòn 15.09.75	16.02.90	13.03.90	2A40	PST 03684	Đặng Giang Minh Tung	1974	con	
Chuẩn bị	Đoàn 683 BTL Lp T. Kháng Chiến	31 tháng	26.05.75	01.02.78	Cải quân nhân	248/20	Bà Rịa 01.02.78	30.11.89	18.12.89	2F23	BT 50917				Đã ghi tên vào sổ cho CTNCT ngày 6/3/90
Chuẩn bị	Đoàn 813 BTL Lp T. Kháng Chiến	06 tháng	01.06.75	01.12.75	Cải quân nhân			06.07.89	07.09.89	2C17	BT 50895				hết giấy cải tạo
		12 tháng	01.06.75	01.06.76	Phản cách mạng			06.07.89	07.09.89	2C17	BT 50895				nt
Chuẩn bị	Ban Tr. Sứ PGTH xã Vĩnh Lộc An Phú	03 tháng	20.05.75	20.08.75	Phản cách mạng			20.11.89	04.12.89	2F9	BT 50710	Bùi Thị Nang Nguyễn Tấn An	1946 1969	vợ con	nt
Kho TPPT	Tiền đoàn 32 BDL	01 tháng			Cải quân nhân			30.11.89	05.02.90	2L25	PST 03158	Huỳnh Văn Phương	1983	con	nt

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN VÀ TẶNG QUÂN NHÂN

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN VÀ TẶNG QUÂN NHÂN

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
12	PHAN BA BACH	1946	Phu Tân - An Giang			Phó Kiến Sot	Ngân hàng quốc gia VN	Hu ngày	01.06.75	15.06.75	Công chức			14.04.89	05.09.89	2D
18	NGUYỄN THE HUNG	1942	Chợ Mới - An Giang	69/52528	Binh II		Sĩ đoàn 9 BB	Hu tháng	02.77	01.78	Cựu quân nhân			29.12.89	16.01.90	2C
19	ĐOÀN VĂN CỐ	1932	Chợ Mới - An Giang			Trưởng ban	Sở giao thức Hà Nội				Công chức			07.11.89	13.12.89	2F
20	LE VAN SU	1956	Châu Thành - An Giang				Nhân dân Tự Vệ	Hu ngày	05.05.75	08.05.75				23.09.89	06.10.89	2F2
21	NGUYỄN KIM HOANG	1958	Sài Gòn	KBC 9358	Tan binh		Trigiam huấn luyện - Rừng Sét	07 ngày	25.06.75	31.07.75	Cựu quân nhân	15/95/CN	Sài Gòn 31.07.75	06.05.89	08.09.89	2F1
22	DƯƠNG NGOC THO	1958	Thốt Nốt - Hậu Giang				Bảo An Hòa Hảo	07 ngày						30.12.89	05.02.90	2L2
23	TRẦN VĂN THUẬN	1955	Khai Vung - Đồng Tháp				Nhân dân Tự Vệ	03 ngày						30.12.89	05.02.90	2L1
24	ĐẶNG VĂN HÙNG	1957	Bình Minh - Cửu Long				Nhân dân Tự Vệ	20 ngày						11.01.90	25.02.90	2L3
25	ĐẶNG NGOC QUANG	1953	Thanh Hưng - Đồng Tháp	53/740486	Binh II	Ban I	Tiểu đoàn 441 BQ TK Sa Đéc	07 ngày				Cựu quân nhân		16.02.90	13.03.90	
26	BÙI VĂN KẾ	1956	Bình Đức - An Giang	76/502032	Binh II		Tiểu đoàn 32 BQ					Tháng gia phước quốc		28.10.89	22.12.89	2B6
														Tổng kết danh sách gồm		
														Tất cả chiến liệt ghi tên đây đã		
														trả về nhiệm vụ những đợt kh		
														Lam tại Phan		
														T.M.B		

Tổng kết danh sách gồm
Tất cả chiến liệt ghi tên đây đã
trả về nhiệm vụ những đợt kh
Lam tại Phan
T.M.B

7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
Kiểm soát	Ngân hàng quốc gia VN	Mỹ ngày	01.06.75	15.06.75	Công chức			24.04.89	05.09.89	2016	BT 9959				mặt giấy cải tạo
	Sứ đoàn 9 BB	Mỹ tháng	01.08.77	01.78	Cựu quân nhân			29.12.89	16.01.90	204	PST 02695				
	Sở quân thuộc Hà Nội				Công chức			07.11.89	13.12.89	255	BT 50862				
	Nhân dân Tự vệ	03 ngày	05.05.75	08.05.75				23.09.89	06.10.89	255	BT 50862	Huỳnh Hồng Sơn	1936		
												Lê Thanh Hiền	1978		
												Lê Thanh Thảo	1981		
												Lê Thanh Hằng	1983		
	Trại tam huấn luyện rừng	07 ngày	25.06.75	31.07.75	Cựu quân nhân	15495/CN	Sài Gòn 31.07.75	06.05.89	08.09.89	251	BT 50217				Có giấy cải tạo
	Bảo An Hòa Hảo	08 ngày						30.12.89	05.02.90	2125	PST 3165	Dương Thị Tiên	1956		mặt giấy cải tạo
	Nhân dân Tự vệ	08 ngày						30.12.89	05.02.90	2133	PST 31168				
	Nhân dân Tự vệ	20 ngày						11.01.90	25.02.90	2130	2891	Trần Hồng Thắm	1953		
												Đặng Trường Giang	1984		
												Đặng Hồng Thọ	1987		
												Đặng Thị Mai	1985		
												Nguyễn Thị Sánh	1981		
	Tiểu đoàn 410 BQ TKSĐC	07 ngày			Cựu quân nhân			16.02.90	13.03.90		PST 3685				
	Tiểu đoàn 32 BQ				Tháng gia phục quốc			27.10.89	22.12.89	286	PST 02165	Lê mai	1958		
												Bùi Văn Khanh	1983		
												Bùi Văn Khương	1985		
												Bùi Văn Ngạc	1987		
Tổng kết danh sách gồm 27 form (có 12 Bức)															
Tất cả chỉ tiết ghi trên đây là sự thật chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những lời khai này.															
Làm tại Phanat Holding Camp ngày 26/03/1990															
T.M. B.Đ. / H. / P.G.H.H. / Phanat Holding															

TRẦN NGỌC TIẾNG

Panat, ngày 27.08.1990.

Kính thưa chị.

Trước hết, chúng em xin phép được gửi đến chị lòng cảm kính và chân thành tri ân chị cũng thành kính nguyện cầu sức khỏe của chị và gia đình.

Hôm theo đây, qua chỉ dẫn của VP/GH/PGHH/HN (Lê Thái Hòa VP/BTS/PGHH/HN) chúng em gửi đến chị Danh sách lý lịch Cựu tù Nhân/Chính trị, Tôn giáo/PGHH. Kính mong chị cảm thông và giúp đỡ cho tiến độ chúng em - chị cũng đã biết - Giữa chúng em và tổng sản - "Không thể" đời chung trời...."

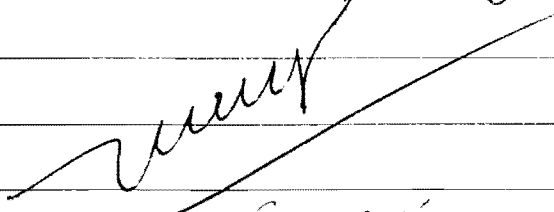
... Thay lời ách tổng sản đến đây - Không biết bao giờ chúng em mới thoát khỏi cảnh này - -

Trong khi chờ đợi - Kính xin chị nhận nơi đây lòng thành kính và biết ơn của chúng em.

Kính thư

TM/BDD/HQ/PGHH/Holding.

Địa chỉ: Lê Thái Hòa
VP/BTS/PGHH/HN
585 E. University Blvd
Silver Spring, MD 20901
- USA -


Trần Ngọc Tường.

จดหมายอากาศ
AEROGRAMME



Am-Bé
The dip
cung g'nying
nuee can bee
tho-lee for Eng

FEB 22 1990

Nguyễn thị Minh Phương (KMT)

P.O. Box 5435 ARLINGTON

VA 22205 0635

USA

ชื่อและที่อยู่ของผู้ฝาก SENDER'S NAME AND ADDRESS

Grām ngoc Gieng - BT 050549 - House # 2F22 - PC Po Box 18

Parat Nikhom - Chon Bury 20140 - Thailand THAILAND

ถ้าส่งสิ่งใดไว้ในซอง จะส่งจดหมายอากาศนี้ไปทางธรรมดา IF ANYTHING IS ENCLOSED THIS AIR LETTER WILL BE SENT BY SURFACE MAIL



TO OPEN SLIT HERE

Panat 13.2.90

Minh Phuong,

Nhân được thư của em tôi (Trần Công Bử) hơn một tháng nay - Trong thư có địa chỉ của Minh Phuong - Không nỡ, em tôi lại không nói rõ quan hệ giữa chúng tôi và Minh Phuong thế nào (?) - Cõi do dự và ... mất ngủ nhiều đêm ... Không có lý nào (?) ...

(Nghĩ ngổ, nhưng tôi lại nguyên câu ... đúng thật như vậy ...)

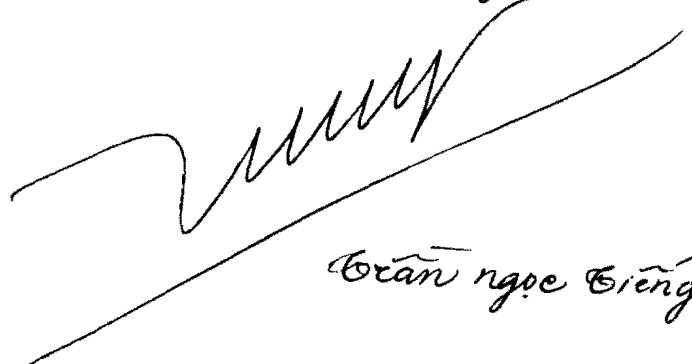
" " "
Còn bây giờ, đâu thế nào đi nữa, quyết định về liên hệ tình cảm ... Cách xưng hô ... là do ở Minh Phuong. Bởi sự thật rất hiển nhiên trước mắt là Minh Phuong đã ở USA ... phân tôi còn năm trái cam cho ... "thank you"! - Một người ở chiến đang và một kẻ còn năm trong ... địa ngục!

" " "
Quy vậy, Cõi nguyên câu Minh Phuong vui vẻ cho tôi được phép câu chúc Minh Phuong mọi sự như ý và ... từ mai không già!

Cũng gởi lời thăm tất cả gia quyến ...

Ngày đêm tôi mong mỗi hồi âm

xin tạm dừng bút



Trần Ngọc Bổng

Bè
 gửi
 thư
 cho
 vợ
 con
 và
 anh
 em
 khác
 ở
 nhà
 họ
 ở
 Hà
 Nội
 03/04/1990



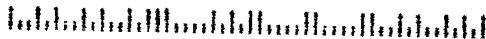
Khúc Khuê Chơ

P.O. Box 5435

Arlington, VA 22205-0635

5435 30530304 CR 8009
 AUTOMATED MAIL (MUM)

PD BOX 5435
 ARLINGTON VA 22205-0635



Grain Ngoc Gieng
BBD/HQ/PGHH/Holding
BT050549 - House #2F22 - P.O. Box 18
Panat Nikhom - Chon Buri 20140
Thailand

C O N T R O L

____ Card
____ Doc. Request; Form
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ ODP/Date
____ Membership Letter

4/21/90